

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		409.548.186.991	336.756.520.451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.323.667.612	7.111.704.474
1. Tiền	111		3.323.667.612	7.111.704.474
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.100.000.000	13.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	35.100.000.000	13.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		351.637.087.934	293.511.386.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	72.018.021.759	59.751.321.223
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	231.666.046.260	154.960.949.696
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	47.953.019.915	78.799.115.335
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		19.314.255.222	22.062.476.905
1. Hàng tồn kho	141	V.6	19.314.255.222	22.062.476.905
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		173.176.223	570.952.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	173.176.223	82.995.078
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	487.957.740
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.323.963.555	225.793.591.089
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.952.630.000	16.312.630.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	12.000.000.000	15.360.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	952.630.000	952.630.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.020.971.094	64.281.923.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	27.935.408.677	29.871.987.781
<i>Nguyên giá</i>	222		56.722.450.494	56.722.450.494
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.787.041.817)	(26.850.462.713)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	32.085.562.417	34.409.935.423
<i>Nguyên giá</i>	225		34.858.895.024	34.858.895.024
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.773.332.607)	(448.959.601)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.768.230.193	22.473.564.478
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	27.768.230.193	22.473.564.478
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	78.600.000.000	78.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		48.000.000.000	48.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30.000.000.000	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		300.000.000	300.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		300.000.000	300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		43.982.132.268	44.125.473.407
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	43.982.132.268	44.125.473.407
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		632.872.150.546	562.550.111.540

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		266.879.739.227	213.999.668.522
I. Nợ ngắn hạn	310		233.448.138.774	199.029.470.875
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	21.626.960.094	44.448.194.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	148.271.088	711.254.251
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.485.427.582	8.235.029.201
4. Phải trả người lao động	314		470.428.355	1.196.185.159
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		472.606.050	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	31.654.123.475	538.786.922
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	167.029.019.066	140.282.653.205
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17b	6.561.303.064	3.617.367.622
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		33.431.600.453	14.970.197.647
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		168.506.389	155.093.919
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	33.263.094.064	14.815.103.728
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		365.992.411.319	348.550.443.018
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	365.992.411.319	348.550.443.018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.698.240.000	300.698.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.698.240.000	300.698.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.459.291.065	4.444.732.623
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.834.880.254	43.407.470.395
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.378.353.511	13.261.885.971
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.456.526.743	30.145.584.424
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		632.872.150.546	562.550.111.540

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3			4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	180.107.608.667	125.522.773.530	342.070.813.646	227.572.559.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			29.832.800		29.832.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		180.107.608.667	125.492.940.730	342.070.813.646	227.542.726.834
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	165.374.435.564	113.498.700.942	314.244.408.425	206.366.991.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.733.173.103	11.994.239.788	27.826.405.221	21.175.735.384
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.330.330.474	4.249.956.445	5.828.858.434	4.714.497.921
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.661.465.106	1.911.874.443	6.431.818.566	3.828.666.483
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	493.814.991	636.823.415	996.574.564	1.413.868.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	793.220.263	780.819.136	1.637.739.342	1.681.187.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.115.003.217	12.914.879.239	24.589.131.183	18.966.510.407
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.844	71.230.000	4.844	85.957.466
12. Chi phí khác	32	VI.8	153.901.403	207.933.092	154.642.219	208.718.310
13. Lợi nhuận khác	40		(153.896.559)	(136.703.092)	(154.637.375)	(122.760.844)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.961.106.658	12.778.176.147	24.434.493.808	18.843.749.563
14.1 Lợi nhuận được chia từ công ty con			4.699.300.699	3.840.000.000	4.699.300.699	3.840.000.000
14.2 Lợi nhuận kế toán trước thuế của công ty mẹ			10.261.805.959	8.938.176.147	19.735.193.109	15.003.749.563
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.083.141.472	1.829.221.848	3.977.967.065	3.042.493.575
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	12.877.965.186	10.948.954.299	20.456.526.743	15.801.255.988
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hương

Ngày 28 tháng 07 năm 2022

Trưởng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HÀI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		350.518.906.654	268.585.677.035
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(314.284.863.728)	(225.694.948.813)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.684.198.062)	(5.308.201.403)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.664.376.266)	(3.979.513.050)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.675.989.613)	(3.159.409.497)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		35.911.977.100	22.736.432.675
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.766.542.516)	(10.943.253.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.354.913.569	42.236.783.359
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(83.647.801.380)	(35.422.528.349)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.600.000.000)	(6.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.360.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		550.494.752	1.464.925.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(101.337.306.628)	(40.157.602.833)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	9.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		239.515.287.118	142.521.635.471
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(190.456.121.257)	(148.136.738.398)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.864.809.664)	(9.559.524.866)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.194.356.197	(6.174.627.793)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.788.036.862)	(4.095.447.267)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.111.704.474	8.833.076.065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.323.667.612	4.737.628.798

Người lập biểu



Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Hương

Lập ngày 28 tháng 7 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa giấy nhãn và giấy bìa;
 - Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
 - Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phủ;
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Giấy, bìa carton, giấy tráng phủ;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
 - In ấn;
 - Dịch vụ liên quan đến in;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
 - Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	KCN Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất bột giấy, giấy	52.75%	52,75%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	Lô 3, tổ 40, Trung tâm nhà hát kịch, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	30%	30%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2021 và BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2021.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 công ty có 74 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 69 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN SỬ DỤNG

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/06/2022 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 23.415 VNĐ/USD (Ngân hàng công ty thường xuyên có giao dịch).

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 23.135 VNĐ/USD (Ngân hàng công ty thường xuyên có giao dịch)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty, Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- + Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau. Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02-05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc thiết bị

02 - 15

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nghị quyết đại cổ đông cổ đông số 01/2022/HHP/NQ-ĐHDCĐ ngày 06 tháng 05 năm 2022 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2021 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021

Trích lập quỹ khen thưởng : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021

Trích lập quỹ phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021

Chi trả cổ tức năm 2021 : 6,5% tương đương 19.545.380.000 VND

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.360.280.303	810.622.924
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.963.387.309	6.301.081.550
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>1.403.761.236</i>	<i>1.957.953.911</i>
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i>	<i>86.516.013</i>	<i>164.367.145</i>
<i>Ngân hàng TMCP FIRST BANK</i>	<i>68.650.800</i>	<i>80.151.537</i>
<i>Ngân hàng TMCP MSB</i>	<i>9.385.374</i>	<i>24.802.580</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	<i>312.198.070</i>	<i>1.121.928.210</i>
<i>Ngân hàng Bảo Việt</i>	<i>72.238.173</i>	-
<i>Sea bank- CN Hải An</i>	<i>1.000.701</i>	
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam</i>	<i>9.636.942</i>	<i>2.951.878.167</i>
Cộng	<u>3.323.667.612</u>	<u>7.111.704.474</u>

2. Đầu tư tài chính**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.500.000.000		5.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Tiên Sơn	21.600.000.000		-	
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng FIRST BANK Comperial Bank, LTD. – Chi nhánh thành phố Hà Nội	8.000.000.000		8.000.000.000	
Cộng	<u>35.100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>13.500.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, bao gồm:

+ Tiền gửi tiết kiệm thời hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tổng số tiền 5.500.000.000 VND. Khoản tiền gửi trên đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

+ Các khoản tiền gửi tiết kiệm thời hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Tiên Sơn, tổng số tiền 21.600.000.000 VND. Các khoản tiền gửi trên đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Tiên Sơn.

+ Tiền gửi tiết kiệm thời hạn 06 tháng tại Ngân hàng FIRST BANK Comperial Bank, LTD. – Chi nhánh thành phố Hà Nội, tổng số tiền 8.000.000.000 VND. Khoản tiền gửi đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng FIRST BANK Comperial Bank, LTD. – Chi nhánh thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam(a)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà (b)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco(c)	300.000.000	-	300.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300.000.000	-	300.000.000	-
Trái phiếu(d)	300.000.000	-	300.000.000	-
Cộng	78.600.000.000	-	78.600.000.000	-

(a) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700219848 thay đổi lần thứ 11 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 06 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam là 91.000.000.000 đồng. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp của cty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải phòng là 48.000.000.000 đồng, chiếm 52,75% vốn thực góp.

(b) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108828180 thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 12 năm 2019. Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng nắm giữ 3.000.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà.

(c) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108771752 lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 06 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng cam kết đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco là 300.000.000 VND, tương đương 1,2% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(d) Tiền đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày 10/07/2019.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	21.030.909.588	14.296.884.531
Công ty CP Bao Bì Phương Bắc	-	905.142.511
Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	3.243.391.752	-
Công ty cổ phần giấy Từ Châu	17.787.517.836	13.391.742.020
Phải thu các khách hàng khác	50.987.112.171	45.454.436.692
Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B	4.169.836.352	5.341.210.510
Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương Mại PP	8.712.036.000	8.033.685.000
Công ty TNHH Việt Cường	6.451.954.604	20.710.031.260
Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà	10.045.042.956	2.384.582.730
Các khách hàng khác	21.608.242.259	8.984.927.192
Cộng	72.018.021.759	59.751.321.223

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng VITECCONS	69.000.000.000	-	69.000.000.000	-
SUMEC HONGKONG COMPANY LIMITED	134.680.837.500	-	80.859.350.000	-
Các khách hàng khác	27.985.208.760	-	5.101.599.696	-
Cộng	231.666.046.260	-	154.960.949.696	-

5. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.699.300.699	-	-	-
Phải thu lợi nhuận được phân phối năm 2021 - Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam	4.699.300.699	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	43.253.719.216	-	78.799.115.335	-
Tạm ứng	6.173.566.407	-	6.250.610.207	-
Ký cược, ký quỹ	36.540.467.790	-	36.430.436.874	-
Công ty TNHH Tempus Financial(*)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ khác	540.467.790	-	430.436.874	-
Công ty TNHH Đầu Tư Palm	-	-	15.933.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Trường Linh	-	-	19.878.416.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay dự thu	527.869.015	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.816.004	-	306.652.254	-
Phải thu các bên liên quan	47.953.019.915	-	78.799.115.335	-

(*) Khoản ký quỹ để thực hiện các hợp đồng vay vốn hoặc hợp đồng khác.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận được thông báo số 02/2021/TPF của công ty TNHH Tempus Financial về việc thanh lý hợp đồng ký quỹ nói trên. Theo đó, Công ty TNHH Tempus Financial sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền ký quỹ là 36.000.000.000 VND kèm theo tiền lãi từ ngày thực hiện ký quỹ.

b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc tài sản thuê tài chính	952.630.000	-	952.630.000	-
Cộng	952.630.000	-	952.630.000	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.385.773.610	-	19.908.764.408	-
Công cụ, dụng cụ	376.777.094	-	241.345.926	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	876.699.496	-	1.179.834.101	-
Thành phẩm	675.005.022	-	732.532.470	-
Cộng	19.314.255.222	-	22.062.476.905	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	10.319.313	14.956.438
Chi phí bảo hiểm	122.035.235	25.624.400
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	40.821.675	42.414.240
Cộng	<u>173.176.223</u>	<u>82.995.078</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	-	43.048.685
Tiền thuê đất trả trước 1 lần (*)	43.540.682.000	43.540.682.000
Công cụ dụng cụ	309.753.078	395.056.989
Chi phí sửa chữa	67.178.471	102.370.530
Các chi phí trả trước dài hạn khác	64.518.719	44.315.203
Cộng	<u>43.982.132.268</u>	<u>44.125.473.407</u>

(*) Là tiền thuê đất trả trước một lần tại lô đất CN2, Cụm Công nghiệp thị trấn Tiên Lãng theo quyết định thuê đất số 3874/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020. Thời hạn thuê đất đến 17/7/2070, tổng số tiền thuê đất cho cả thời gian thuê là 52.458.653.000 VND. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết tháng 06/2029 theo quyết định số 4128/QĐ-CTHPH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Cục thuế Hải Phòng, tổng số tiền được miễn là 8.917.971.000 VND. Số tiền thuê đất còn lại là 43.540.682.000 được phân bổ vào chi phí kể từ tháng 07/2029 đến hết thời gian thuê.

8. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>12.000.000.000</u>	<u>15.360.000.000</u>
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (*)	12.000.000.000	15.360.000.000
Cộng	<u>12.000.000.000</u>	<u>15.360.000.000</u>

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Công ty con) vay với lãi suất 9%/năm theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 3005/2018/HD/HP-HNA ngày 30/05/2018. Thời hạn vay 36 tháng với tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 VND. Theo phụ lục hợp đồng cho vay số 01 ngày 27/05/2021 gia hạn thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày 30/05/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	18.068.470.367	34.388.412.834	4.265.567.293	56.722.450.494
Số cuối kỳ	18.068.470.367	34.388.412.834	4.265.567.293	56.722.450.494
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.737.917.000	1.808.005.469	10.545.922.469
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	8.012.696.095	16.041.204.768	2.796.561.850	26.850.462.713
Khấu hao trong năm	477.963.150	1.249.552.056	209.063.898	1.936.579.104
Số cuối kỳ	8.490.659.245	17.290.756.824	3.005.625.748	28.787.041.817
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	10.055.774.272	18.347.208.066	1.469.005.443	29.871.987.781
Số cuối kỳ	9.577.811.122	17.097.656.010	1.259.941.545	27.935.408.677

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	34.858.895.024	34.858.895.024
Số cuối kỳ	34.858.895.024	34.858.895.024
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	448.959.601	448.959.601
Khấu hao trong năm	2.324.373.006	2.324.373.006
Số cuối kỳ	2.773.332.607	2.773.332.607
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	34.409.935.423	34.409.935.423
Số cuối kỳ	32.085.562.417	32.085.562.417

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí xây dựng nhà máy mới	22.473.564.478	5.294.665.715	-	27.768.230.193
Cộng	22.473.564.478	5.294.665.715	-	27.768.230.193

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty cổ phần TM - DV Cát Lân	-	-	7.942.935.000	7.942.935.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	4.689.331.219	4.689.331.219	7.488.559.542	7.488.559.542
Công ty cổ phần tổng công ty DuLico	-	-	5.226.891.454	5.226.891.454
Công ty TNHH Vương An Phú	7.458.309.358	7.458.309.358	11.000.135.025	11.000.135.025
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng	4.467.542.400	4.467.542.400	3.580.792.000	3.580.792.000
Các nhà cung cấp khác	5.011.777.117	5.011.777.117	9.208.881.494	9.208.881.494
Cộng	21.626.960.094	21.626.960.094	44.448.194.515	44.448.194.515

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	68.088.209	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	68.088.209	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	80.182.879	711.254.251
JINHONG INDUSTRIAL (HONGKONG) CO.,LIMITED	-	475.280.772
QINGDAO YINSHENGBEIYUAN INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	-	155.790.600
Các khách hàng khác	80.182.879	80.182.879
Cộng	<u>148.271.088</u>	<u>711.254.251</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.827.727.393	2.681.589.903	(2.001.845.778)	2.507.471.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.675.978.612	3.977.967.065	(5.675.989.613)	2.977.956.064
Thuế thu nhập cá nhân	24.600.000	-	(24.600.000)	-
Tiền thuê đất	1.706.723.196	280.653.000	(1.987.376.196)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	<u>8.235.029.201</u>	<u>6.944.209.968</u>	<u>(9.693.811.587)</u>	<u>5.485.427.582</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước 8%, nước 5%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	467.400.000
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	467.400.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	31.654.123.475	71.386.922
Kinh phí công đoàn	63.837.518	71.386.922
Phải trả tiền thanh toán L/C (*)	31.590.285.957	-
Cộng	<u>31.654.123.475</u>	<u>538.786.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Là khoản Upac phải trả ngân hàng IBBC chi nhánh Hà Nội theo các chứng nhận cụ thể như sau:

1. L/C số 0284IL2200150 phát hành ngày 04/05/2022 ngày đáo hạn 25/10/2022 lãi suất 6%
2. L/C số 0284IL2200116 phát hành ngày 19/04/2022 ngày đáo hạn 12/10/2022 lãi suất 5.5%
3. L/C số ILC2205321 phát hành ngày 13/5/2022 ngày đáo hạn 10/10/2022 lãi suất 7.8%

16. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	139.299.399.738	139.299.399.738	95.545.227.927	95.545.227.927
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn (a)	27.324.925.267	27.324.925.267	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)	7.988.588.728	7.988.588.728	3.610.492.200	3.610.492.200
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c)	19.933.630.976	19.933.630.976	11.256.020.121	11.256.020.121
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam(d)	49.999.153.028	49.999.153.028	46.741.732.785	46.741.732.785
Ngân hàng FIRST BANK Comperial Bank, LTD. – Chi nhánh thành phố Hà Nội(e)	34.053.101.739	34.053.101.739	33.936.982.821	33.936.982.821
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.000.000.000	2.000.000.000	19.007.805.950	19.007.805.950
Vay ngắn hạn IBBC	-	-	9.007.805.950	9.007.805.950
Vay ngắn hạn Công ty tài chính TNHH MTV Mirea Asset Việt Nam (f)	2.000.000.000	2.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Vay Bà Lương Thị Hải Yến (g)	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.729.619.328	7.729.619.328	7.729.619.328	7.729.619.328
Công ty cho thuê Tài chính TNHH BIDV Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội	7.729.619.328	7.729.619.328	7.729.619.328	7.729.619.328
Cộng	167.029.019.066	167.029.019.066	140.282.653.205	140.282.653.205

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiên Sơn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT284- HOANGHAHAIPHONG ngày 16 tháng 03 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 55.000.000.000đ. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 16 tháng 03 năm 2022 đến ngày 16 tháng 03 năm 2023. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy kraft, kinh doanh bột giấy, giấy phế liệu, giấy nguyên liệu. Lãi suất cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 01/16032022 ngày 16 tháng 03 năm 2022 được ký giữa công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Tiên Sơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 106/2022/HDTD/HHA ngày 11/5/2022. Hạn mức tín dụng 20.000.000.000đ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành LC các loại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy các loại. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 11/5/2022 đến ngày 11/5/2023, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.

(c) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/21/HM/14185005 ký ngày 27/09/2021 ký ngày 27/09/2021 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 20.000.000.000. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101149782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016.

(2) Thế chấp bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số: BD 772273 số vào sổ cấp GCN: CH00531 4690/2010/QĐ-UBND quận Đống Đa cấp ngày 24/12/2010 địa chỉ tại: số 40 ngõ 69 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, theo hợp đồng thế chấp số 3819.2020/HĐTC ngày 24/9/2020 và các phụ lục sửa đổi kèm theo

(3) Thế chấp hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐTC-TSBDS ngày 20/06/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa khách hàng và ngân hàng.

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7607651/HĐTD ngày 14/09/2021, hạn mức tín dụng ngắn hạn tối đa là 50 tỷ đồng, hạn mức tín dụng ngắn hạn này đã bao gồm toàn bộ dư bảo lãnh, dư nợ ngắn hạn ,tài sản đảm bảo bao gồm:

(1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức.

(2) Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 30F-23947 nhãn hiệu Mazda loại xe ô tô du lịch 05 chỗ ngồi năm sản xuất 2018.

(3) Tài sản đảm bảo khoản vay là Hệ thống lò hơi tầng sôi, công suất sinh hơi 9 tấn/giờ, trị giá tài sản thế chấp 4.270.000.000 VNĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/7607652/HĐBĐ ngày 26 tháng 05 năm 2020

(4) Thế chấp lợi thế thương mại quyền thuê đất tại số 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số CK 926926 do sở tài nguyên thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2018 . Mục đích sử dụng đất : đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Thời hạn sử dụng đến tháng 07/2043. Nguồn gốc sử dụng nhà nước cho thuê đất sử dụng hàng năm. Theo hợp đồng thế chấp ngày 29/6/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(5) Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo bổ sung, đồng thời không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay này để thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác.

(6) Thế chấp hợp đồng tiền gửi số 02/2021/HĐTG/Tđo-HHHP với giá trị 3.000.000.000 VNĐ, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 3%/ năm theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2021/7607651/HĐBĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021.

(7) Thế chấp hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/Tđo-HHHP với giá trị 2.500.000.000 VNĐ, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 3,3%/ năm theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/7607651/HĐBĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021.

(e) Là khoản vay Ngân hàng FIRST BANK Comperial Bank, LTD. – Chi nhánh thành phố Hà Nội theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 30210082 ngày 27 tháng 02 năm 2021. Hạn mức tín dụng 1.500.000 USD. Mục đích chỉ dùng khoản tín dụng được cấp để nhập khẩu và/hoặc mua nội địa nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với khoản ứng vay được cấp dưới hình thức Chuyển trả theo chứng từ nhập khẩu, chấp nhận trả tiền đổi lấy chứng từ mua trong nước. Thụ tín dụng trả ngay là 180 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày góp vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản/biện pháp sau:

(1) Bảo lãnh cá nhân do bà Trần Thị Thu Phương và ông Nguyễn Vinh Quang ký phát cho ngân hàng hưởng lợi.

(2) Tiền gửi tài khoản: Công ty cung cấp khoản tiền bằng 20% số tiền khi giải ngân dưới mức 1.000.000 USD, 30% số tiền khi giải ngân vượt mức 1.000.000 USD dưới hình thức tiền gửi tài khoản để đảm bảo khi vay.

(f) Là khoản vay Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MIRAE ASSET theo đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng và thế chấp chứng khoán số 014-IB/HĐTĐ-MAFC ngày 14/12/2021. Khoản vay trị giá 10 tỷ đồng, thời hạn vay 9 tháng, lãi suất 10.5%/năm. Mục đích vay để thanh toán/hoàn thành toán các chi phí liên quan phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khoản vay được đảm bảo bởi cổ phiếu HHP thuộc sở hữu của các cá nhân là bà Trần Thị Thu Phương, ông Nguyễn Huy Long và bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

(g) Khoản vay cá nhân bà Lương Hải Yến không tính lãi theo hợp đồng vay cá nhân ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	95.545.227.927	194.113.209.036	-	(150.359.037.225)	139.299.399.738
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	19.007.805.950	89.278.082	-	(17.097.084.032)	2.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	18.000.000.000	23.000.000.000	-	(23.000.000.000)	18.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.729.619.328		3.864.809.664	(3.864.809.664)	7.729.619.328
Cộng	140.282.653.205	217.202.487.118	3.864.809.664	(194.320.930.921)	167.029.019.066

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng (a)	22.312.800.000	22.312.800.000		
Công ty cho thuê Tài chính TNHH BIDV Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội(b)	10.950.294.064	10.950.294.064	14.815.103.728	14.815.103.728
Cộng	33.263.094.064	33.263.094.064	14.815.103.728	14.815.103.728

(a) Là khoản vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 0147-2022-HĐNT1-BVB021 ngày 31 tháng 5 năm 2022. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 500.000.000.000đ. Mục đích vay để bổ vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì giới hạn tín dụng được tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 đến ngày 31 tháng 05 năm 2031. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm:

+ Toàn bộ dự án nhà máy giấy Hoàng Hà Hải Phòng: bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất và hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai tại dự án Nhà máy Giấy Hoàng Hà Hải Phòng, cụm công nghiệp thị trấn Yên Lãng, Thành Phố Hải Phòng.
+ Các giấy tờ có giá, Tiền gửi tiết kiệm do BAOVIETBANK phát hành.

(b) Là Khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê Tài chính TNHH BIDV Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21721000352/HĐCTTC ngày 26 tháng 11 năm 2021. Tài sản thuê tài chính bao gồm Dây chuyền sản xuất giấy Kraft 15.000 tấn/năm và hệ thống QCS Smart 5.000 tấn, tổng giá trị tài sản thuê theo định giá (bao gồm 10% VAT) là 38.344.784.526 VND. Số tiền tham gia trả trước là 15.155.926.526 VND, thời hạn thuê 36 tháng, lãi suất thuê cố định 7,5%/năm trong 3 tháng đầu và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo biên độ.

Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Giảm do phân loại sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	-	22.312.800.000		22.312.800.000
Nợ thuê tài chính	14.815.103.728		(3.864.809.664)	10.950.294.064
Cộng	14.815.103.728	22.312.800.000	(3.864.809.664)	33.263.094.064

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.898.866.311	1.507.279.221	-	3.406.145.532
Quỹ phúc lợi	1.718.501.311	1.507.279.221	(70.623.000)	3.155.157.532
Cộng	3.617.367.622	3.014.558.442	(70.623.000)	6.561.303.064

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	180.000.000.000	2.898.318.140	28.052.954.936	210.951.273.076
Tăng vốn bằng tiền	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.698.240.000	-	(11.698.240.000)	-
Phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	30.145.584.424	30.145.584.424
Trích lập các quỹ	-	1.546.414.483	(3.092.828.965)	(1.546.414.482)
Số dư cuối năm trước	300.698.240.000	4.444.732.623	43.407.470.395	348.550.443.018
Số dư đầu năm nay	300.698.240.000	4.444.732.623	43.407.470.395	348.550.443.018
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	20.456.526.743	20.456.526.743
Trích lập các quỹ	-	3.014.558.442	(6.029.116.884)	(3.014.558.442)
Số dư cuối kỳ này	300.698.240.000	7.459.291.065	57.834.880.254	365.992.411.319

b) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.069.824	30.069.824
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.069.824	30.069.824
- Cổ phiếu phổ thông	30.069.824	30.069.824
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.069.824	30.069.824
- Cổ phiếu phổ thông	30.069.824	30.069.824
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

c) Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết đại cổ đông cổ đông số 01/2022/HHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 05 năm 2022 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2021 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021*Trích lập quỹ khen thưởng* : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021*Trích lập quỹ phúc lợi* : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021*Cổ tức* : 6,5% tương đương 19.545.380.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	342.070.813.646	227.572.559.634
Doanh thu bán hàng hóa	261.112.656.874	138.446.304.561
Doanh thu bán thành phẩm	80.459.154.620	88.790.205.436
Doanh thu khác	499.002.152	336.049.637
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(29.832.800)
Hàng bán bị trả lại	-	(29.832.800)
Cộng	342.070.813.646	227.542.726.834

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	2.322.232.300	14.880.515.616
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	12.571.566.400	13.127.613.500
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	29.971.049.600	9.237.418.700

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	253.934.629.018	131.237.923.629
Giá vốn của thành phẩm đã bán	60.043.894.606	74.861.118.184
Giá vốn khác	265.884.801	267.949.637
Cộng	314.244.408.425	206.366.991.450

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.078.363.767	850.893.737
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.699.300.699	3.840.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	51.193.968	23.604.184
Cộng	5.828.858.434	4.714.497.921

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.431.818.566	3.750.986.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	77.680.273
Cộng	6.431.818.566	3.828.666.483

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	639.353.808	676.011.703
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.687.141	12.838.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.764.240	99.103.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.619.953	494.702.062
Các chi phí khác	19.149.422	131.213.367
Cộng	996.574.564	1.413.868.826

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	547.976.148	635.135.490
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.199.786	14.926.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	505.775.508	138.543.848
Thuế, phí và lệ phí	332.519.222	457.160.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.057.453	278.821.701
Các chi phí khác	196.211.225	156.600.092
Cộng	1.637.739.342	1.681.187.589

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường hàng không đạt chất lượng	-	85.957.466
Thu nhập khác	4.844	-
Cộng	4.844	85.957.466

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt truy thu, chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	154.642.219	208.718.310
Cộng	154.642.219	208.718.310

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.434.493.808	18.843.749.563
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(4.544.658.480)	(3.631.281.690)
- Các khoản điều chỉnh tăng	154.642.219	208.718.310
<i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	<i>154.642.219</i>	<i>208.718.310</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	4.699.300.699	3.840.000.000
<i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	<i>4.699.300.699</i>	<i>3.840.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế	19.889.835.328	15.212.467.873
Thu nhập tính thuế	19.889.835.328	15.212.467.873
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.977.967.065	3.042.493.575
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.977.967.065	3.042.493.575

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng và Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	5.454.609.285	16.692.017.992
Bù trừ vay với ký quỹ		1.968.709.295
Chia cổ tức bằng cổ phiếu		11.698.240.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Thu Phương	Tổng Giám Đốc Công ty
Ông Nguyễn Trần Nhật Đức	Con Bà Trần Thị Thu Phương

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Trần Thị Thu Phương		
<i>Nhận tiền từ phát hành cổ phiếu ESOP</i>	-	1.000.000.000
<i>Nhận chuyển nhượng vốn góp từ ông Trần Kim Gia</i>	-	5.750.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhật Đức		
<i>Phải thu tiền lãi đặt cọc</i>	-	8.054.795
<i>Thu tiền lãi đặt cọc</i>	-	8.054.795
<i>Thu tiền đặt cọc</i>	-	7.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy		
<i>Thu tiền đặt cọc</i>	-	8.000.000.000
<i>Phải thu tiền lãi đặt cọc</i>	-	48.328.767
<i>Thu tiền lãi đặt cọc</i>	-	48.328.767

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm 30/6/2022, Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh tại chỉ tiêu V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Chức danh	Kỳ này
Bà Trần Thị Thu Phương	Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm TGD	128.519.156
Ông Nguyễn Huy Long	Ủy Viên HĐQT kiêm PTGD	107.294.347
Ông Nguyễn Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc	124.039.947
Bà Đào Thị Ngân	Trưởng ban Kiểm soát	76.990.421

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng là Giám đốc và Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc.
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	Ông Nguyễn Huy Long Ủy viên Hội đồng quản trị, Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng là Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Giấy Từ Châu

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam		
<i>Phải thu lãi vay</i>	545.996.710	685.518.904
<i>Thu tiền lãi vay</i>	545.996.710	1.299.550.683

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Phải thu tiền cổ tức lợi nhuận được chia</i>	4.699.300.699	3.840.000.000
<i>Trả tiền mua hàng</i>		-
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc		
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	2.518.408.502	16.275.154.852
<i>Thu tiền bán hàng</i>	3.491.639.222	10.287.876.435
<i>Chuyển công nợ giảm phải thu tiền bán hàng sang tăng phải thu tiền điện và khấu hao nhà xưởng</i>		5.000.000
<i>Phải thu tiền điện, bảo vệ</i>		18.612.325
<i>Thu tiền điện, bảo vệ</i>		145.104.738
<i>Phải thu tiền khấu hao nhà xưởng</i>		74.800.000
<i>Thu tiền khấu hao nhà xưởng</i>		74.800.000
<i>Phải trả tiền mua nguyên vật liệu</i>		334.473.700
Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư Hoàng Hà		
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	13.663.391.752	14.440.374.850
<i>Thu tiền bán hàng</i>	10.420.000.000	18.979.000.000
<i>Phải trả tiền mua hàng</i>	8.489.184.990	13.399.026.797
<i>Trả tiền mua hàng</i>	8.489.184.990	7.459.017.300
<i>Bù trừ công nợ phải thu và phải trả</i>	-	2.412.382.210
<i>Bù trừ công nợ ba bên giảm phải trả TĐHH với Trang Bon</i>	-	3.527.627.287
<i>Thu lại tiền trả trước</i>	-	3.000.000.000
Công ty cổ phần giấy Từ Châu		
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	32.461.111.232	10.161.160.570
<i>Thu tiền bán hàng</i>	28.065.335.416	8.811.677.130

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2b, V.3, V.4, V.5a, V.8./.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.323.667.612	7.111.704.474	3.323.667.612	7.111.704.474
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.100.000.000	13.500.000.000	35.100.000.000	13.500.000.000
Phải thu khách hàng	72.018.021.759	59.751.321.223	72.018.021.759	59.751.321.223
Các khoản cho vay	12.000.000.000	15.360.000.000	12.000.000.000	15.360.000.000
Các khoản phải thu khác	48.905.649.915	79.751.745.335	48.905.649.915	79.751.745.335
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	78.600.000.000	78.600.000.000	78.600.000.000	78.600.000.000
Cộng	249.947.339.286	254.074.771.032	249.947.339.286	254.074.771.032
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	200.292.113.130	155.097.756.933	200.292.113.130	155.097.756.933
Phải trả người bán	21.626.960.094	44.448.194.515	21.626.960.094	44.448.194.515
Các khoản phải trả khác	32.597.157.880	1.734.972.081	32.597.157.880	1.734.972.081
Cộng	254.516.231.104	201.280.923.529	254.516.231.104	201.280.923.529

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	167.029.019.066	33.263.094.064	-	200.292.113.130
Phải trả người bán	21.626.960.094	-	-	21.626.960.094
Các khoản phải trả khác	32.597.157.880	-	-	32.597.157.880
Cộng	221.253.137.040	33.263.094.064	-	254.516.231.104
Số đầu năm				
Vay và nợ	140.282.653.205	14.815.103.728	-	155.097.756.933
Phải trả người bán	44.448.194.515	-	-	44.448.194.515
Các khoản phải trả khác	1.734.972.081	-	-	1.734.972.081
Cộng	186.465.819.801	14.815.103.728	-	201.280.923.529

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu đầu năm đã được điều chỉnh do sai sót năm trước như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>				
Tài sản cố định hữu hình	221	29.871.987.781	-	29.871.987.781
Nguyên giá	222	65.804.698.802	(9.082.248.308)	56.722.450.494
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(35.932.711.021)	9.082.248.308	(26.850.462.713)

Lập ngày 28 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Lan

Trịnh Thị Hương

Trần Thị Thu Phương